

RỒNG, hổ châu Á

VÀ VẤN ĐỀ SỬ DỤNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

VỀ NHÂN TỐ VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI

PGS.TS. HỒ SĨ QUÝ

Viện Thông tin Khoa học xã hội

Khoảng hơn 20 năm nay, Đông Á với sự trỗi dậy của Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông (và cả Xinggapo, như người ta vẫn thường phân loại mô hình phát triển) là chủ đề không xa lạ với giới lý luận và các nhà hoạt động chính trị, xã hội. Sự xuất hiện của 4 con rồng châu Á được coi là điều kỳ diệu của thế kỷ XX. Trên khắp các diễn đàn từ Đông sang Tây, người ta đã nhiều lần mổ xẻ sự phát triển thần kỳ của các nền kinh tế này nhằm tìm ra bài học kinh nghiệm cho các nước đi sau. Tấm gương công nghiệp hóa thần tốc của Đông Á cho tới nay vẫn là liều thuốc kích thích, gây ấn tượng mạnh với nhiều nước. Trong bối cảnh đó, phần đông các chính khách và các nhà hoạt động xã hội, đặc biệt, những chiến lược gia về phát triển, gần như ai cũng hối thúc các nước chậm phát triển rằng, kinh nghiệm thành công ngoạn mục của 4 con rồng

châu Á, đặc biệt, Hàn Quốc, Đài Loan, là cần phải học và có thể học được nếu các nước đi sau có ý chí chính trị sáng suốt.

I. RỒNG, HỔ ĐÔNG Á VÀ NHỮNG BÀI HỌC GÂY ẤN TƯỢNG

I. Vào những năm 90 (thế kỷ XX), với một quan niệm rất tương đối, những nước (hoặc vùng lãnh thổ - NICs/NIEs⁽¹⁾) công nghiệp mới ở châu Á gồm Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông và Xinggapo, khi thì được gọi là những con rồng, khi thì được gọi là những con hổ. Người châu Âu không thiện cảm với rồng, thậm chí coi rồng là độc ác nên thích gọi những nước này là hổ, còn người châu Á lại ngưỡng mộ rồng nên thích gọi những nước này là rồng. Nhưng gần đây, cũng không thật chặt chẽ, báo chí lại phân biệt rồng với hổ. Người ta coi hổ châu Á gồm những nước mới nổi: Indonesia, Malaysia, Philipines,

Thailand và đôi khi cả Trung Quốc. Việt Nam cũng đã có lần được cựu Tổng thống G. Bush gọi là “con hổ trẻ” (“young tiger” - Xem: 2). Cách nói bóng bẩy “Sự thần kỳ Đông” (hay “Sự thần kỳ châu”), do thay đổi quan niệm về rồng và hổ nên cũng được hiểu rộng rãi hơn. Nếu trước kia “Sự thần kỳ Đông” chỉ dùng để nói về 4 con rồng thì nay thường dùng để gọi chung cho hiện tượng phát triển nhanh ở cả các nền công nghiệp mới và cả các nước có tốc độ tăng trưởng cao ở khu vực này.

Xin được nêu mấy con số để dễ hình dung về tốc độ tăng trưởng ở các nền kinh tế này.

2. Năm 1960, GDP (thực tế) của Hàn Quốc mới chỉ là 87 USD/người, Đài Loan 170 USD/người, Xinggapo 427 USD/người, Hồng Kông 1631 USD/người. Lúc đó tất cả đều không khác mấy những làng quê nghèo, nóng lạnh vì những vấn đề chính trị độc đoán và Xinggapo thì liên tục chao đảo vì những cuộc bạo loạn sắc tộc đẫm máu. Sau gần hai thập niên, GDP của Xinggapo năm 1985 là 10.811 USD/người, Hàn Quốc năm 1988 là 8.934 USD/người, Đài Loan năm 1987 là 9.992 USD/người, Hồng Kông năm 1990 là 9.896 USD/người. Nghĩa là đã vượt qua ngưỡng bị coi là nước nghèo (960 USD/người theo tiêu chuẩn của Liên hợp quốc, hoặc 875 USD/người theo tiêu chuẩn của Ngân hàng thế giới). Không rơi vào cái bẫy của sự phát triển và dừng lại ở đó, các nước này tiếp tục phát triển

và trở thành các nền công nghiệp mới (NICs/NIEs). Đến năm 2005, GDP (tính theo cao: theo Báo cáo phát triển con người 2007/2008 thì Hồng Kông có chỉ số HDI là 0,937, xếp hạng 21/177 nước; Xinggapo - HDI là 0,925, xếp hạng 25/177 nước; Hàn Quốc - HDI là 0,921, xếp hạng 26/177 nước (Các số liệu này soạn và PPP) của Hàn Quốc đã là 22.029 USD/người, Hồng Kông là 34.833 USD/người, Xinggapo là 29.663 USD/người. GDP của Đài Loan năm 2001 là 19.200 USD/người. Chỉ số phát triển con người (HDI) ở các nước và vùng lãnh thổ này cũng rất dẫn theo: 18, 19, 11, 16).

3. Cần nói thêm rằng, Xinggapo là một quốc gia độc lập, nhưng chỉ là một đảo quốc, có diện tích và dân số thua kém nhiều thành phố của các nước khác. Tuy vậy, với nền kinh tế mở, năng động vào loại bậc nhất thế giới, có sự kiểm soát, điều tiết vĩ mô rất nghiêm ngặt, từ giữa thập niên 1980 trở lại đây Xinggapo là trung tâm tài chính thứ tư của thế giới sau New York, London và Tokyo. “Con đại bàng tài chính phương Đông” này là trung tâm dịch vụ, thương mại của của hầu hết các công ty đa quốc gia trên thế giới, đồng thời là thị trường trao đổi ngoại tệ bậc nhất toàn cầu, mỗi ngày lượng ngoại tệ trao đổi lên đến hơn 100 tỷ USD. Trên thực tế, tiếng nói của đảo quốc bé nhỏ này nhiều khi ngang ngửa với một cường quốc.

Còn Hồng Kông, từ năm 1997 đã trở về với Trung Quốc; tuy từ đó nền kinh tế của đặc khu này có nảy sinh một số vấn

đề nhất định, song vị trí quốc tế của Hồng Kông vẫn rất lớn và cũng như trước 1997, Hồng Kông vẫn là “con gà đẻ trứng vàng” của người Trung Hoa (Xem: 17).

4. Truy tìm nguyên nhân của sự thần kỳ Đông Á, dĩ nhiên là phải phân tích vai trò của các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội... Để thấy đây là khu vực suốt nửa thế kỷ nay luôn được hưởng lợi từ các dòng vốn. Những năm 1960-1970, các nước thân Mỹ ở vùng này còn được hưởng lợi từ cuộc chiến tranh Việt Nam - ông Lý Quang Diệu cho rằng: “Cuộc chiến Việt Nam đã đem lại cho các nước phi Cộng sản *thời gian* và *điều kiện* để các nước này đi theo con đường của Nhật và phát triển thành 4 con rồng...” (Xem: 4). Ý kiến này, theo chúng tôi, cũng chẳng có gì là xa sự thật.

Tuy nhiên, ngoài các nguyên nhân vừa nói, điều đáng lưu ý là, hai chục năm nay, các học giả phương Tây lại chú ý nhiều đến những nguyên nhân thuộc về văn hóa. Nổi lên ở đây là *vai trò của Khổng giáo, của các giá trị châu Á, của những nét đặc thù về con người và văn hoá Á Đông...*

5. Cần phải nói thêm rằng, mặc dù ít được nhắc tới, nhưng trong khi đánh giá cao kinh nghiệm tích cực của mấy con rồng Đông Á, các nhà nghiên cứu thường cũng không quên Hàn Quốc, Đài Loan và cả Xinggapo trong những thập niên trước đã từng là những chính thể độc đoán, thiếu dân chủ, vận hành trong sự thao túng của giới quân sự. Xã hội Đài

Loan dưới thời Tưởng Giới Thạch, xã hội Xinggapo dưới thời Lý Quang Diệu và xã hội Hàn Quốc dưới thời Pak Chung Hee, Choe Kyu Ha và Chun Doo Hwan đều thi hành những chính sách chống Cộng cực đoan, hạn chế đến mức bóp nghẹt báo chí, chèn ép xã hội dân sự, tận dụng và vắt kiệt sức lực dân chúng... Các chính thể này hiện vẫn còn bị phê phán từ tất cả các phía, kể cả phía Mỹ. Người dân ở các nước này đến nay vẫn chưa quên tình trạng ngột ngạt và lao động như khổ sai hồi những thập niên trước (Xem: 3, 1). Tuy thế, điều đáng lưu ý là, ngoài Francis Fukuyama hồ nghi có một mối liên hệ nào đó giữa sự tăng trưởng kinh tế nhanh với chính thể độc đoán, còn lại chẳng thấy ai thừa nhận hoặc coi liên hệ đó là nhân quả hay là tất yếu. Người ta vẫn tin rằng *các nước đi sau có thể phát triển nhanh như Hàn Quốc và Đài Loan mà không cần phải hy sinh dân chủ*. Thậm chí có người còn giả thiết rằng, biết đâu các nước này có thể sẽ phát triển nhanh hơn, nếu không độc đoán và bóp nghẹt tự do (Xem: 8, 5).

Điều này, trong một chừng mực nhất định, cũng đã làm cho việc học hỏi kinh nghiệm của mấy con rồng trở nên có sức thu hút hơn và có vẻ khả dĩ hơn.

6. Tuy nhiên, học được kinh nghiệm của người đi trước là không dễ dàng. Bởi lẽ, phần lớn những bài học kinh nghiệm được nêu ra từ sự phát triển của các nước Đông Á và các nước phát triển khác đều không phải là mới đối với Việt Nam

cũng như đối với các quốc gia đi sau khác. Nghĩa là, cái được coi là bài học, thì Việt Nam cũng như tất cả các nước đang phát triển khác đều đã từng nghiên cứu và đều muốn ứng dụng để trong một thời gian nào đấy có thể trở nên thịnh vượng. Ở Đông Nam Á, vào những năm 1980, Indonesia đã từng được hy vọng là một quốc gia sớm cất cánh để trở thành con rồng châu Á mới. Cũng như vậy, ở Mỹ Latinh, Peru cũng là nước được kỳ vọng trong những năm 1970. Nhưng đến nay, ở các nước này điều kỳ diệu vẫn chưa xảy ra. Còn Việt Nam, từ năm 2008, với ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính thế giới và tình trạng lạm phát trong nền kinh tế, giấc mơ hóa rồng đang bị soi xét một cách hoài nghi. Trong thực tế phát triển nửa

thế kỷ qua, trừ Ireland, Xinggapo và Hồng Kông, không có nước nào đạt tới thành công như Hàn Quốc và Đài Loan.

Ireland, Hồng Kông và Xinggapo là những trường hợp quá đặc biệt. Đây chỉ là các đảo quốc bé nhỏ với dân số ít, rất giống những siêu đô thị của những vùng kinh tế - xã hội rộng lớn hơn; nghĩa là, chúng quá độc đáo để có thể áp dụng kinh nghiệm. Nhưng Hàn Quốc và Đài Loan thì đích thực là những điển hình của sự bứt phá, thu hút sự phân tích, rút kinh nghiệm và học hỏi. Về mặt lý thuyết, *khi thế giới đã bước vào thời đại toàn cầu hóa, các quốc gia đi sau không thể viện bất cứ lý do gì để cho phép mình mất hàng trăm năm trong khi mấy nền kinh tế này chỉ cần vài chục năm để trở thành các thực thể công nghiệp mới (NICs/NIEs).*

ĐẶC TRƯNG CỦA MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔNG Á

Theo David Dapice và các chuyên gia Harvard (nguồn: xem 10)

1. Đầu tư mạnh mẽ cho giáo dục ở tất cả các cấp, có tầm nhìn chiến lược toàn diện cho sự phát triển nguồn lực con người.
2. Xây dựng những thành phố năng động về mặt văn hóa, trật tự về mặt xã hội, và an toàn về mặt vệ sinh, môi trường, làm động lực cho tăng trưởng và đổi mới kinh tế
3. Thực hiện chính sách kiên trì trong việc theo đuổi kỹ năng, công nghệ, và tri thức tiên tiến để giúp các doanh nghiệp của mình.
4. Hệ thống tài chính đầu tư một cách hiệu quả; nhà nước đóng vai trò then chốt trong việc điều tiết thị trường để giảm thiểu những rủi ro có tính hệ thống.
5. Nhà nước có năng lực trong việc áp đặt kỷ cương đối với các nhóm lợi ích.
6. Tăng trưởng nhanh về kinh tế được kết hợp với sự phân phối thu nhập tương đối đồng đều.
7. Có thể tạo ra những quyết tâm chính trị mạnh mẽ để thay đổi khi cần thiết.

7. Vấn đề là ở chỗ, các bài học kinh nghiệm được đúc kết và phổ biến, qua lăng kính chủ quan của các tác giả của nó, chưa chắc đã là cái có thể học được và áp dụng được trong những điều kiện và hoàn cảnh khác. William Easterly, một học giả Mỹ đã cảnh tỉnh các nước chậm phát triển về điều này khi ông phê phán kịch liệt nhiều chính sách phát triển của các tổ chức quốc tế. William Easterly cho rằng, các quan niệm của WB, IMF, và UN... với lịch sử hơn nửa thế kỷ qua đã vô tình tạo ra một thứ "hệ tư tưởng về phát triển" (Ideology of Development). Theo ông, *kinh nghiệm thành công của các nước phát triển không thể máy móc trở thành chính sách để áp dụng cho những nước đi sau*. Những quốc gia thành công nhất trong phát triển 40 năm qua, trên thực tế, "đã thường xuyên vi phạm một cách rõ ràng bất cứ cái gì mà các chuyên gia về phát triển đã nói. Ví dụ, vào những năm 1960 những con hổ Đông Á đã tự lựa chọn định hướng ra bên ngoài trong khi nếu theo kinh nghiệm khôn ngoan của các chuyên gia lại phải là công nghiệp hoá đối với thị trường trong nước" (Xem: 7). Những trường hợp thành công như Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ hay Việt Nam đều không phải là những nước biết nghe lời các thể chế quốc tế. Còn Mehico, Venezuela, Nga... lại là những ví dụ về sự thất bại khi đi theo lời khuyên của các chuyên gia phát triển.

Ý kiến William Easterly và một vài tác giả khác nữa có suy nghĩ theo chiều hướng này, là những lời khuyên cần phải tham khảo (Xem: 6, 7).

II. VẤN ĐỀ ỨNG DỤNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐÔNG Á VÀO VIỆT NAM

1. Với Việt Nam, tham vọng "hóa rồng" dường như còn thối thúc hơn bất cứ một nước đi sau nào khác. Bởi lẽ, Hàn Quốc và Đài Loan, xưa nay, không phải là những xã hội quá xa lạ, hoặc quá khác biệt. Về nguồn lực con người, nguồn lực xã hội và ý chí chính trị, xét ở tiềm năng, không thể nói Việt Nam có gì thua kém. Về sức mạnh văn hóa, đặc biệt văn hóa Nho giáo truyền thống, Việt Nam cũng không thiếu hụt những yếu tố tích cực cần thiết, mà Hàn Quốc và Đài Loan đã từng sử dụng để phát triển. Trên thực tế, Việt Nam là mảnh đất thấm dẫm văn hóa Nho giáo (văn hóa Nho giáo chứ không phải Nho giáo); lại là thứ văn hóa được hình thành từ Tống Nho, không "ngu trung", không cứng nhắc, không giáo điều như ở Nho giáo trước đó ở nơi khởi thủy của nó (Xem: 15, 14). Do vậy, cùng với sự khích lệ của nhân tố văn hóa, các nhân tố chính trị - xã hội khác, chẳng hạn, tâm thế của người chiến thắng sau chiến tranh, sự phấn khích đạt được tăng trưởng cao trong một thời gian dài, tâm lý tích cực sau hội nhập thành công... đã thêm phần thối thúc tham vọng "hóa rồng" ở Việt Nam. Khi đặt mình trong tương quan với Hàn Quốc và một số nước trong khu vực, nhiều người Việt Nam vẫn chưa quen, mới rất gần đây, so với Seoul, Bangkok hoặc Manila, thì Sài Gòn chẳng những không nghèo, mà ngược lại, còn là thành phố phồn vinh hơn.

2. Việt Nam đi sau cả Đông Á lẫn Đông Nam Á (tại thời điểm hiện nay và nếu hiểu Đông Á và Đông Nam Á với

tính cách là những mô hình phát triển). Tuy sự phát triển của Việt Nam sau hơn 20 năm đổi mới đã được cộng đồng thế giới đánh giá rất cao, thậm chí tham vọng “hóa rồng” của Việt Nam đôi khi cũng đã được mô tả như là một tương lai rất gần, nhưng sau khi đối mặt với các vấn đề xuất hiện năm 2008, đây đó trong nền kinh tế - xã hội cũng đã lộ ra những dấu hiệu bất ổn, cần thiết phải được tính toán thấu đáo về phương diện mô hình phát triển. Có tác giả cho rằng, Việt Nam “đang đứng trước nguy cơ rơi vào *cạm bẫy của mức phát triển trung bình*: không còn quá nghèo để phải bức xúc cải cách và vượt lên; trong khi đó, các yếu tố nền tảng cho một nền kinh tế tăng trưởng cao trong giai đoạn trưởng thành lại quá yếu. Các mâu thuẫn trong phát triển trở nên gay gắt: giữa tính phức tạp của điều hành vĩ mô và năng lực và phẩm chất của bộ máy quản lý; giữa yêu cầu cao về nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng hệ thống giáo dục; giữa nhu cầu nâng cao sức cạnh tranh toàn cầu về môi trường sống - kinh doanh và điều kiện giao thông, môi trường, ăn ở” (Xem: 13).

3. Vấn đề đúng như David Dapice và các chuyên gia Harvard đã chỉ ra trong một báo cáo tư vấn cho Chính phủ Việt Nam gây nhiều chú ý và tranh luận trong năm 2008 “*Lựa chọn Thành công: Bài học từ Đông Á và Đông Nam Á cho tương lai của Việt Nam*”: rồi đây, Việt Nam sẽ thuộc về mô hình nào trong số hai mô hình phát triển Đông Á và Đông Nam Á. Dĩ nhiên, cho tới giờ này, chưa có một tài liệu chính thống nào nói về chủ trương của Việt Nam đối với hai mô

hình này. Song điều đó không có nghĩa là Việt Nam nằm ngoài khả năng dẫm phải những dấu chân khiếm khuyết, sai lầm hay thất bại của các nước được coi là thuộc mô hình Đông Nam Á. David Dapice và các cộng sự cảnh báo không hề quanh co: “Mục tiêu phát triển của Việt Nam đầy tham vọng: trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, và một cách khái quát hơn, xây dựng một quốc gia “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Thế nhưng, nếu những xu thế hiện nay vẫn được tiếp tục thì có lẽ Việt Nam sẽ không thể đạt được những mục tiêu này, ít nhất là trong một khoảng thời gian khả dĩ chấp nhận được về mặt chính trị... Trong số các quốc gia đã thoát nghèo và có mức thu nhập trung bình - vốn là mục tiêu Việt Nam đang hướng tới - chỉ có một vài nước tiếp tục vươn lên thành những quốc gia giàu có, hiện đại và có thế lực. Nói một cách khác, xu hướng phát triển phổ biến không đúng về phía Việt Nam. Mặc dù vậy, xu hướng này không phải là định mệnh... *Bằng những lựa chọn (hay không lựa chọn) của mình, nhà nước Việt Nam sẽ quyết định tốc độ và triển vọng phát triển kinh tế của đất nước. Nói một cách khác, đối với Việt Nam, thành công là một sự lựa chọn trong tầm tay*” (10. tr. 9,6).

4. Bằng sự lựa chọn hay không lựa chọn của mình, nhà nước Việt Nam sẽ quyết định sự thành công hay thất bại trong việc đưa đất nước cất cánh và hóa rồng. Khẳng định của David Dapice và các cộng sự, thông qua phân tích hai mô

hình phát triển Đông Á và Đông Nam Á là khá rõ. Ở đây, trách nhiệm của Nhà nước, hay nói rộng hơn, trách nhiệm của các chiến lược và kế sách điều hành vĩ mô chính là nhân tố quyết định.

Nói như thế, dĩ nhiên là đúng. Nhưng theo chúng tôi, cũng vẫn chưa đủ để diễn đạt tầm vóc và ý nghĩa của trách nhiệm Nhà nước.

Rõ ràng, không phải các nước đi sau không biết đến hay không chịu học hỏi kinh nghiệm của các nước công nghiệp hóa thế hệ thứ nhất. Như đã nói ở trên, học được kinh nghiệm của người đi trước không phải là việc dễ. Kinh nghiệm xã hội rất hiếm khi giống như một thứ bí quyết cứ lắp vào là cỗ máy hoạt động. Có trong tay đầy đủ các bài học kinh nghiệm, cũng mới chỉ là *thỏa mãn điều kiện cần* chứ chưa phải là *thỏa mãn điều kiện đủ* để cho phép một quốc gia nào đó đi tới thành công. Vấn đề không đơn giản chỉ là vận dụng một mô hình lý thuyết, cho dù đó là mô hình lý thuyết tối ưu, cộng với một “quyết tâm chính trị” nào đó. Hơn thế nữa, nếu đúng là “40 năm qua, các nước thành công đều là những nước thường xuyên vi phạm bất cứ kinh nghiệm gì mà các chuyên gia về phát triển đã tư vấn”, như khẳng định của William Easterly, thì vấn đề còn là *cần phải biết “vi phạm” những bài học kinh nghiệm nào đó khi cần thiết.*

Không biết sử dụng kinh nghiệm của người đi trước, dĩ nhiên là thất bại. Sử dụng kinh nghiệm của người đi trước một sách nguyên si, giáo điều cũng sẽ thất bại. Vấn đề là phải sử dụng kinh

nh nghiệm của người đi trước một cách khôn ngoan. Nghĩa là trách nhiệm của nhà nước còn nặng nề hơn rất nhiều so với tất cả những gì mà các nhà khoa học đã chỉ ra một cách xác đáng.

5. Sự thực thì công cuộc Đổi mới đã tạo nên sự phát triển rất quan trọng ở Việt Nam trong hơn hai thập kỷ qua, và điều đó đã tạo ra những bước xuất phát tạo đà, những điều kiện thuận lợi, và cả những kinh nghiệm có ý nghĩa để đất nước tiếp tục phát triển. Mặc dù nhiều lĩnh vực vẫn chưa có tiến bộ hoặc còn bị coi là thất bại, nhưng xoá đói giảm nghèo và giải quyết vấn đề đói nghèo ở Việt Nam thì rõ ràng là một thành công. Kinh nghiệm về tăng trưởng kinh tế ngay từ đầu phải gắn với công bằng xã hội cũng là một kinh nghiệm đắt giá phải trả bằng rất nhiều nỗ lực. Phát triển con người thể hiện qua chỉ số HDI và phát triển xã hội thể hiện qua ổn định và đồng thuận xã hội ở Việt Nam cũng có những điểm sáng, có những biểu hiện tích cực không thua kém gì các quốc gia giải quyết tốt những vấn đề này. Phát triển kinh tế và cải thiện đời sống đại đa số cư dân thì không thể nói là thất bại, mặc dù bức tranh kinh tế từ năm 2008 đến nay có những chỗ khá ảm đạm so với trước đó.

Cần thiết phải nói như thế để thấy tính không đơn giản của vấn đề. Những gì được coi là thành công của Việt Nam thời gian qua đều ít nhiều mang trong nó một phần khôn ngoan trong việc vận dụng kinh nghiệm bên ngoài, một phần sáng tạo trong việc xử lý tình huống đặc thù Việt Nam và một phần quyết đoán

trong việc tính đến những lợi ích được coi là cơ bản hoặc sống còn.

III. NHÂN TỐ VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI: THỬ ĐỐI CHIẾU VIỆT NAM VỚI ĐÔNG Á

1. Dĩ nhiên là chưa mấy ai thỏa mãn với những gì mà Việt Nam đã làm được. Ngược lại, khác với *tâm thế phát triển* (Psychosphere for Development) đầy tích cực và sôi động của những năm trước 2007, hiện nay, tâm trạng bản khoản, lo lắng, bức xúc... lại là tâm trạng phổ biến trong nhiều lĩnh vực hoạt động. Trên bình diện văn hóa và con người, ở đây, chúng tôi thấy cần thiết phải đặt vấn đề: Nếu như về mặt tiềm năng, ở Việt Nam, nhân tố văn hóa và nhân tố con người không đến nỗi thua kém Hàn Quốc và Đài Loan, thì tại sao những tiềm năng ấy, đến nay, tự nó, chưa bộc lộ được những phẩm chất tích cực trong phát triển?

Văn hóa có những lối đi đặc thù của nó để thâm nhập và tác động vào đời sống xã hội. Nhưng đặc thù đến mấy thì vẫn phải thông qua chủ thể của nó là con người, nhất là những con người có trọng trách điều tiết vĩ mô. Trong phát triển, cách thức sử dụng nhân tố văn hóa và nhân tố con người là cơ chế để văn hóa của một dân tộc lộ ra những giá trị ưu trội của nó, để con người của một cộng đồng phát huy được những phẩm chất tích cực của nó. Điều này giải thích tại sao đều là văn hóa Nho giáo, đều là con người Trung Hoa, nhưng nửa thế kỷ nay Đài Loan và Hồng Kông lại hoàn

toàn khác với Đại lục. Văn hóa Nho giáo, tự nó, không đẩy xã hội đến một tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Con người với các phẩm chất tích cực của truyền thống - cần cù, hiếu học, trách nhiệm, cộng đồng... tự nó, cũng không đương nhiên biến xã hội thành xã hội công nghiệp hóa. Vấn đề là ở chỗ *biết sử dụng, có phương thức sử dụng, biết kích thích các giá trị tích cực, ưu trội* của con người và của văn hóa.

Đối chiếu sự phát triển của Việt Nam hiện nay với hai mô hình phát triển Đông Á và Đông Nam Á, chúng tôi thấy có thể nói về một vài hạn chế trong việc sử dụng nhân tố con người và văn hóa như sau:

2. Nếu ở mô hình phát triển Đông Á, chính phủ có khả năng tạo ra những quyết tâm chính trị mạnh mẽ để thúc đẩy xã hội thay đổi khi cần thiết, như David Dapice đã nhận xét, thì ở Đông Nam Á, đến nay, hầu hết các quốc gia đều chưa làm được như vậy. Ở Indonesia, Philipines và Thailand trong nhiều tình huống cần vận động sức mạnh đồng thuận của toàn quốc gia, chính phủ ít khi thành công; thậm chí có lúc còn gây chia rẽ, làm hỗn loạn xã hội. Ở Malaysia dưới thời Mahathir Mohamad, việc động viên ý chí của toàn xã hội được đánh giá là tốt hơn, nhưng gần đây lại bắt đầu có vấn đề. Trong khi đó, ý chí vươn tới hưng thịnh ở người Nhật kể từ thời Minh Trị thiên hoàng là rất đáng kể. Tinh thần cuồng nhiệt và nghiêm túc ở tầng lớp võ sĩ thượng lưu học hỏi văn minh kỹ nghệ của châu Âu

để xây dựng Nhật Bản thành một quốc gia mạnh về quân sự, giàu về kinh tế, hiện đại về kỹ thuật... là một thứ tinh thần lâu nay ít ai phủ nhận được. Người Nhật không ngại nhìn nhận nghiêm ngặt về những yếu kém của mình để kích động lòng tự tôn dân tộc. Tham vọng biến Nhật Bản thành châu Âu ở phương Đông, trên thực tế, đã cực đoan đến mức làm nảy sinh tư tưởng "Sovanh Đại Đông Á" cùng với một chính thể phát xít phương Đông trong Thế chiến thứ II. Tuy nhiên, nếu không tính đến mặt trái của những điều vừa nói, thì ở người Nhật có hai phẩm chất rất đáng học tập: *ý chí chấy bỏng vươn tới hưng thịnh và tinh thần sẵn sàng học hỏi.*

Hàn Quốc cũng là một xã hội tương tự. Tham vọng vươn lên của người Hàn Quốc đã được một số tài liệu mô tả là không kém cuồng nhiệt ngay từ thời Pak Chung Hee. Khi nền kinh tế đạt mức 1.000 USD đầu người năm, người Hàn chẳng những không có tâm lý thỏa mãn, mà ngược lại còn sôi sục đặt ra các mục tiêu 10.000 USD rồi gần đây là 15.000 USD đầu người năm. Không chỉ trong kinh tế, trong khoa học, giáo dục người Hàn cũng quyết liệt đặt ra các mục tiêu để cạnh tranh với thế giới. Khi bất mãn với với các chế độ độc tài vào những năm 1960-1970, khi phát hiện ra những yếu kém trong cấu trúc nền kinh tế sau khủng hoảng tài chính năm 1997, cũng như khi đối mặt với những quyết định không hợp lòng dân hồi tháng 6-2008... người Hàn đều phản ứng rất mạnh mẽ, đòi chính phủ phải tỏ rõ trách nhiệm với sự phát triển đất nước.

Tâm thế phát triển của một dân tộc hay một quốc gia xưa nay chưa bao giờ là cái kém quan trọng. Trong xã hội hiện đại, đôi khi người ta tưởng các quy luật thép của đời sống có thể làm cho ý chí hay nhiệt huyết của cá nhân hay của cộng đồng trở nên ít giá trị hơn. Nhưng thực tế chứng minh điều ngược lại.

Còn ở Việt Nam, tâm thế phát triển trong những năm gần đây không thể nói là kém. Ngược lại mới đúng, rất sôi động, rất tích cực. Tuy nhiên, sự yếu kém trong cơ chế vận hành đời sống xã hội, những bất cập, khuyết tật trong các chính sách kinh tế - văn hóa - giáo dục... đã vô tình định hướng tâm lý hoạt động của không ít cá nhân. Tưởng rằng, với tốc độ tăng trưởng 8-9% năm, chẳng mấy chốc Việt Nam sẽ *hóa rồng*, tưởng rằng với nền kinh tế chuyển đổi năng động, chẳng mấy chốc một bộ phận cư dân sẽ giàu có, "thay vì khích lệ người dân cần kiệm đầu tư với tầm nhìn dài hạn và trách nhiệm với tương lai, chúng ta lại tạo nên cơ chế để mọi người ảo tưởng với những cơ hội chụp giạt ngắn hạn, hoang phí trong tiêu dùng, phô trương trong hình thức..." (12).

Xu hướng tâm lý này trên thực tế đã che khuất tầm nhìn dài hạn, làm xói mòn trách nhiệm với tương lai - cái là xương sống của nền giáo dục và khoa học.

3. Theo báo cáo của David Dapice và các chuyên gia Harvard, "hệ thống giáo dục của Việt Nam hiện đang khủng hoảng", còn "nền khoa học và công nghệ của Việt Nam, nếu sử dụng mọi thước đo khách quan, thì dường như là một thất

bại” (10. tr. 32,33). Đây là một nhận định đặc biệt mạnh mẽ về sự xuống cấp của hai lĩnh vực liên quan mật thiết đến văn hóa và con người mà cách đây chưa lâu Việt Nam vẫn thường tự hào. Cụ thể hơn, báo cáo này mô tả: “Mặc dù tỷ lệ đi học ở các cấp phổ thông tương đối cao, nhưng chất lượng của các bậc học này rất đáng lo ngại... Chất lượng đào tạo ở các trường đại học của Việt Nam chưa đạt chuẩn. Trên thực tế, trường đại học của Việt Nam thua xa khi so với ngay cả trường của các nước Đông Nam Á – vốn chưa phải là những trường đẳng cấp quốc tế. Trong khi đó, tỉ lệ ngân sách dành cho giáo dục trong GDP của Việt Nam cao hơn hầu hết các nước trong khu vực. Hiện nay, các trường đại học của Việt Nam có thể bị xem như là kém nhất so với hầu hết các nước đang phát triển ở khu vực Đông Nam Á, chứ chưa cần so với Đông Á” (10. tr. 32,33). Nếu nhận định này không sai hoặc cơ bản là không sai, thì rõ ràng, những nhân tố tích cực về phương diện văn hóa và con người, cái làm nên những thành tựu nhất định cho giáo dục và khoa học những năm trước đây, đã bị quên lãng hoặc chưa được sử dụng một cách hợp lý cho phù hợp với hoàn cảnh hiện tại.

Tại sao một dân tộc có tiếng là hiếu học, với những thành tựu về y tế và giáo dục đã từng làm thay đổi cách nhìn nhận của cộng đồng thế giới qua chỉ số phát triển con người, với các nhà khoa học, nhà văn hóa mà ở thế hệ nào cũng có những người được đánh giá cao, nay lại rơi vào tình cảnh đáng ngại đến vậy. Đúng như nhiều người đã lên tiếng trên

các diễn đàn giáo dục và khoa học thời gian gần đây, hiểu học đến nay vẫn là một giá trị, nhưng tiếc rằng giá trị này lại đang bị khai thác để phục vụ những mục đích vụ lợi và thị trường, lệch lạc và thiếu cần... hơn là khai thác để thỏa mãn những mục đích giáo dục chân chính. Cung cách quản lý giáo dục và khoa học bất cập, có vấn đề, làm cho khoa học và giáo dục ở Việt Nam “không giống ai”. Nhà nước chưa có những chính sách tạo điều kiện cho nhà khoa học theo đuổi những kỹ năng, công nghệ, và tri thức tiên tiến. *Bảng giá trị định hướng hoạt động khoa học, giáo dục lệch lạc.*

Chúng tôi cho rằng, vấn đề của những vấn đề là ở chỗ, bảng giá trị định hướng hoạt động khoa học, giáo dục hiện đang lệch lạc.

IV. KẾT LUẬN

Việt Nam đang cất cánh và vẫn chưa mất cơ hội để hóa rồng. Việc lựa chọn những quyết sách, phương thức và bước đi trong phát triển trên cơ sở học tập kinh nghiệm thành công của mô hình Đông Á, như lời tư vấn nhiệt thành của các chuyên gia Harvard, rõ ràng là có ý nghĩa quyết định. Tuy nhiên, kinh nghiệm dù hay đến mấy cũng mới chỉ là hành trang để phát triển. Chỉ riêng hành trang chưa đủ giúp người tìm đường tới được cái đích mà anh ta cần đến. Muốn tránh được vết chân kiếm khuyết của mô hình Đông Nam Á thì sự lựa chọn cần phải đạt đến trình độ khôn ngoan và cần phải được thực hiện trong

thực tiễn bằng những cách thức thông minh - Không phải khi nào bài học kinh nghiệm của các nước phát triển cũng cần áp dụng một cách trung thành, có những trường hợp cần áp dụng trong sự thay đổi, nghĩa là áp dụng một cách sáng tạo và cũng có những trường hợp cần phải biết *vi phạm* kinh nghiệm tốt của người đi trước.

CHÚ THÍCH:

(1) NICs - gọi đầy đủ là “Các nước công nghiệp hóa mới” (Newly Industrialized Countries). NIEs - “Các nền kinh tế công nghiệp hóa mới” (Newly Industrialized Economies).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bản sắc Đài Loan. http://www.bbc.co.uk/vietnamese/specials/1053_vietaiwanpage/

2. Bush chứng kiến sự “phấn khởi ở Việt Nam”. BBC Vietnamese.com 17/11/2006.

3. Choe, Hyondok. *Civil Society and Market Economy in Korea. The principle of “Publicity” in the context of Neo-liberalism.* International Conference “Social Responsibility in the context of Market Economy”. Haiphong, Feb., 12-15th, 2009.

4. Lý Quang Diệu. *Cuộc chiến Việt Nam có lợi cho châu Á.*

5. Trần Hữu Dũng. *Dân chủ và phát triển: Lý thuyết và chứng cứ.* T/c “Thời đại mới”. Số 10. 3/2007.

6. Trần Hữu Dũng. *Về kinh nghiệm phát triển: Đọc Rodrik và Chang, hai kẻ nghi ngờ.* Thời báo Kinh tế Sài Gòn, số Tết Dương lịch 2009.

7. Easterly, William (2007). *The Ideology of Development, Foreign Policy*, July/August.

8. Fukuyama, Francis. *Asian Value and the Asian Crisis* “Commentary” Feb., 1998.

9. Fukuyama, Francis. *Samuel Huntington, 1927-2008.* The American Interest Online. Dec., 29th, 2008. <http://the-american-interest.com/contd/?p=688>.

10. Harvard University. John F. Kennedy School of Government. Chương trình châu Á (2008). *Lựa chọn Thành công: Bài học từ Đông Á và Đông Nam Á cho tương lai của Việt Nam.* <http://www.undp.org.vn/undpLive/System/Publications/Publication-Details?contentId=2648&languageId=4>

11. Hong Kong (China SAR). <http://islands.unep.ch/CGF.htm>

12. Vũ Minh Khương. *Nền móng phát triển và mệnh lệnh cải cách.* <http://www.tuanvietnam.net/vn/thongtindachieu/3956/index.aspx.9/6/2008>

13. Vũ Minh Khương. *Đảng cấp phát triển: Việt Nam chọn Đông Á hay Đông Nam Á?* <http://vietnamnet.vn/chinhtri/2008/0>

14. Li, C (1997). *Confucian value and democratic value.* The Journal of Value Inquiry. Vol. 31, № 2, June 1997, pp. 183-193 (11).

15. Phan Ngọc. *Văn hóa Việt Nam thiết tha với cuộc sống con người.* Văn nghệ Trẻ, số 4, ngày 23-1-2005

16. *Xinhgapo GDP-per capita.* [http://indexmundi.com/Xinhgapo/gdp_per_capita_\(ppp\).html](http://indexmundi.com/Xinhgapo/gdp_per_capita_(ppp).html)

17. Todaro, Michael P (1998). *Kinh tế học cho thế giới thứ ba.* Nxb Giáo dục. H Nội.

18. UNDP, *Human Development Report* (2007/2008).

19. Wescott, Robert F. *Global Economic Growth Prospects: 2007 and Beyond.* www.sace.it/GruppoSACE/export/sites/default/download/Wescott2.ppt